

**NGHỊ QUYẾT**

Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;*

*Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó

khăn (viết tắt là Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ) áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối với học sinh, gồm:

a) Học sinh tiểu học và trung học cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

b) Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

c) Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

2. Đối với các trường phổ thông, gồm:

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú;

b) Trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

**Điều 3. Quy định khoảng cách và địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày**

1. Khoảng cách:

Học sinh đi học phải qua địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn như qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá có thể gây mất an toàn, nguy hiểm đối với học sinh khi đi học được xác định với khoảng cách như sau: Nhà ở xa trường với khoảng cách từ 01 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 02 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 03 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

2. Địa bàn:

Xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn.

*(Có Phụ lục kèm theo)*

## **Điều 4. Tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh**

1. Trường phổ thông dân tộc bán trú có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 09 tháng/01 năm.

2. Trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 31 tháng 7 năm 2021.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII Kỳ họp thứ 3 Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Pháp chế của Ủy ban dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, DT.ptd180.



**CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**



## Phụ lục

**QUY ĐỊNH KHOẢNG CÁCH VÀ ĐỊA BÀN XÃ KHU VỰC III, THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN CÓ ĐỊA HÌNH CÁCH TRỞ, GIAO THÔNG ĐI LẠI KHÓ KHĂN PHẢI QUA ĐÈO NÚI CAO; QUA SÔNG, SUỐI, ... (KHÔNG CÓ CẦU); QUA VÙNG SẠT LỎ ĐẤT, ĐÁ HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19 /2021/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
<b>A. HUYỆN MINH LONG</b>					
<b>I</b>	<b>Tiểu học</b>	<b>≥ 01</b>			
<b>1</b>	<b>Xã Long Môn</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Cà Xen		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Long Môn	Qua vùng sạt lở đất, qua đèo núi cao, qua suối không có cầu	
	Thôn Làng Ren			Qua vùng sạt lở đất, qua đèo núi cao, qua đập tràn không có cầu	
	Thôn Làng Giữa			Qua vùng sạt lở đất, qua đèo núi cao	
<b>II</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	<b>≥ 02</b>			
<b>1</b>	<b>Xã Long Môn</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Giữa		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Long Môn	Qua vùng sạt lở đất, qua đèo núi cao	
	Thôn Cà Xen			Qua vùng sạt lở đất, qua đèo núi cao, qua suối không có cầu	
<b>B. HUYỆN SƠN HÀ</b>					
<b>I</b>	<b>Tiểu học</b>	<b>≥ 01</b>			
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Nham</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Bầu Sơn		Tiểu học và THCS Sơn Nham II	Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Cận Sơn			Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Chàm Rao			Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Hải</b>			Xã Khu vực III	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Làng Trắng		Tiểu học và THCS Sơn Hải	Qua sông không có cầu	
	Thôn Tà Pía			Qua sông không có cầu	
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Thủy</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Giá Gối		Tiểu học và THCS Sơn Thủy	Qua suối không có cầu	
	Thôn Làng Rào			Qua suối không có cầu	
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Kỳ</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Bò Nung		Tiểu học Sơn Kỳ	Qua suối không có cầu	
	Thôn Mô Níc			Qua suối không có cầu	
	Thôn Tà Bắc			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Nước Lác			Qua suối không có cầu, qua vùng sạt lở đất	
<b>5</b>	<b>Xã Sơn Ba</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Ranh		Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Sơn Ba	Qua vùng sạt lở	
<b>6</b>	<b>Xã Sơn Thượng</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tà Pa		Tiểu học Sơn Thượng	Qua suối không có cầu	
<b>7</b>	<b>Xã Sơn Bao</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Nước Bao		Tiểu học và THCS Sơn Bao	Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Mang Nà			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Nước Rinh			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Nước Tang			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Làng Mừng			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>8</b>	<b>Xã Sơn Trung</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Rin		Tiểu học và THCS Sơn Trung	Qua suối không có cầu	
	Thôn Làng Đèo			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Gia Ry			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>9</b>	<b>Xã Sơn Cao</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Gung		Tiểu học Sơn Cao	Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Xà Ấy			Qua sông không có cầu	
<b>10</b>	<b>Thị trấn Di Lăng</b>			Xã Khu vực I	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Tổ dân phố Nước Nia		TH Di Lăng II (Điểm trường tại Tổ dân phố Nước Nia)	Qua vùng sạt lở đất, đá	Thôn ĐBKK vùng DTTS và MN theo QĐ số 433/QĐ-UBND
<b>II</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	<b>≥ 02</b>			
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Nham</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Cận Sơn		Tiểu học và THCS Sơn Nham; Tiểu học và THCS Sơn Nham II	Qua vùng sạt lở; Qua sông, suối không cầu	
	Thôn Chàm Rao		Tiểu học và THCS Sơn Nham	Qua sông không có cầu	
	Thôn Xà Riêng			Qua sông không có cầu	
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Hải</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Trắng		Tiểu học và THCS Sơn Hải	Qua sông không có cầu	
	Thôn Tà Pía			Qua sông không có cầu	
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Ba</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Già		THCS Sơn Ba	Qua sông không có cầu	
	Thôn Làng Ranh			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Mò O			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Kà Khu			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Bao</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Mang Nà		Tiểu học và THCS Sơn Bao	Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Nước Tang			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Nước Bao			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>5</b>	<b>Xã Sơn Trung</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Rin		Tiểu học và THCS Sơn Trung	Qua suối không có cầu	
	Thôn Làng Đèo			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Gia Ry			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>6</b>	<b>Xã Sơn Thủy</b>			Xã Khu vực III	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Làng Rào		Tiểu học và THCS Sơn Thủy	Qua suối không có cầu	
7	<b>Xã Sơn Kỳ</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Bồ Nung		THCS và THPT Phạm Kiệt	Qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Làng Trắng			Qua sông không có cầu	
	Thôn Nước Lác			Qua sông không có cầu	
	Thôn Tà Bắc			Qua sông không có cầu	
	Thôn Mô Níc			Qua sông không có cầu	
8	<b>Thị trấn Di Lăng</b>			Xã Khu vực I	
	Tổ dân phố Nước Nia		THCS TT Di Lăng (Điểm trường tại Tổ dân phố Nước Nia)	Qua vùng sạt lở	Thôn ĐBKK vùng DTTS và MN theo QĐ số 433/QĐ-UBND
<b>III</b>	<b>Trung học phổ thông</b>	<b>≥ 03</b>			
1	<b>Sơn Hải</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tà Pía		THCS và THPT Phạm Kiệt	Qua sông không có cầu	
	Thôn Gò Sim			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Làng Lành			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Làng Trắng			Qua vùng sạt lở đất, đá	
2	<b>Xã Sơn Thủy</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tà Bi			Qua sông không có cầu	
	Thôn Tà Bàn			Qua sông không có cầu	
	Thôn Tà Cơm			Qua sông không có cầu	
	Thôn Giá Gối			Qua vùng sạt lở	
3	<b>Xã Sơn Kỳ</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Bồ Nung		THCS và THPT Phạm Kiệt	Qua sông không có cầu	
	Thôn Làng Trắng		Quá sông không có cầu		
	Thôn Nước Lác		Qua sông không có cầu		
	Thôn Tà Bắc		Qua sông không có cầu		

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Mô Níc			Qua sông không có cầu	
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Ba</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Già			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Mò O			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Kà Khu			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Làng Bung			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Gò Da			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>5</b>	<b>Xã Sơn Nham</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Xà Nay		THPT Quang Trung	Qua sông không có cầu	
<b>6</b>	<b>Thị trấn Di Lăng</b>			Xã Khu vực I	
	Tổ dân phố Nước Nia		THPT Sơn Hà	Qua vùng sạt lở đất, đá	Thôn ĐBKK vùng DTTS và MN theo QĐ số 433/QĐ-UBND
<b>C. HUYỆN SƠN TÂY</b>					
<b>I</b>	<b>Tiểu học</b>	<b>≥ 01</b>			
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Dung</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Đăk Lang		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Dung	Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Đăk Trên			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Gò Lã			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Mùa</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Nước Mìn		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Đinh Thanh Kháng	Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Huy Em			Qua vùng sạt lở đất; Qua suối không có cầu	
	Thôn Tu La			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Bua</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Nước Tang		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Bua	Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Mang He			Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Mang Tà Bể			Qua vùng sạt lở đất, đá	



TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Liên</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tang Tong		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Liên	Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Nước Vương			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Đắc Doa			Qua vùng sạt lở đất	
<b>5</b>	<b>Xã Sơn Long</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Ra Pân		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Long	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Mang Hin			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Ra Manh			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Tà Vay			Qua vùng sạt lở đất	
<b>6</b>	<b>Xã Sơn Tân</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tà Đô		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Tân	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Ra Nhua			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Bãi Màu			Qua vùng sạt lở đất	
<b>7</b>	<b>Xã Sơn Màu</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tà Vinh		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Màu	Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Hà Lên			Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Đắc Pao			Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Đắc Panh			Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
<b>8</b>	<b>Xã Sơn Tinh</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Xà Ruông		Tiểu học và THCS Sơn Tinh	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Bà He			Qua vùng sạt lở đất	
<b>9</b>	<b>Xã Sơn Lập</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tà Ngàm		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Lập	Qua vùng sạt lở đất	
<b>II</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	<b>≥ 02</b>			
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Dung</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Đắc Lang		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Đắc Trên			Qua vùng sạt lở đất	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Gò Lã		Sơn Dung	Qua vùng sạt lở đất	
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Mùa</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Nước Min		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Đinh Thanh Kháng	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Huy Em			Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Bua</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Nước Tang		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Bua	Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Mang He			Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Mang Tà Bề			Qua vùng sạt lở đất	
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Liên</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tang Tong		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Liên	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Đắc Doa			Qua vùng sạt lở đất	
<b>5</b>	<b>Xã Sơn Long</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Ra Pân		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Long	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Mang Hin			Qua vùng sạt lở đất	
<b>6</b>	<b>Xã Sơn Tân</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tà Đô		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Tân	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Đắc Be			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Bãi Màu			Qua vùng sạt lở đất	
<b>7</b>	<b>Xã Sơn Màu</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tà Vinh		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Màu	Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Hà Lên			Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Đắc Pao			Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
	Thôn Đắc Panh			Qua vùng sạt lở đất, qua suối không có cầu	
<b>8</b>	<b>Xã Sơn Tinh</b>			Xã Khu vực III	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Xà Ruông		Tiểu học và THCS Sơn Tinh	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Bà He			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Ka năng			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Ra Tân			Qua vùng sạt lở đất	
9	<b>Xã Sơn Lập</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tà Ngàm		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Lập	Qua vùng sạt lở đất	
<b>III</b>	<b>Trung học phổ thông</b>				
1	<b>Xã Sơn Mùa</b>	≥ 03		Xã Khu vực III	
	Thôn Tu La		THPT Đinh Tiên Hoàng	Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Huy Em			Qua vùng sạt lở đất, đá	
2	<b>Xã Sơn Dung</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tan Vía			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Đăk Trên			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Đăk Lang			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Huy Mãng			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Gò Lã			Qua vùng sạt lở đất, đá	
3	<b>Xã Sơn Liên</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tang Tong			Qua vùng sạt lở	
	Thôn Nước Vương		Qua vùng sạt lở		
<b>D. HUYỆN BA TƠ</b>					
<b>I</b>	<b>Tiểu học</b>	≥ 01			
1	<b>Xã Ba Ngạc</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Krên		Tiểu học và THCS Ba Ngạc	Qua suối không có cầu, qua đèo núi cao	
	Thôn Ba Lãng			Qua suối không có cầu, qua đèo núi cao	
	Thôn Nước Lầy			Qua suối không có cầu, qua đèo núi cao	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
<b>2</b>	<b>Xã Ba Tiêu</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Krây		Tiểu học và THCS Ba Tiêu	Qua suối không có cầu	
	Thôn Nước Tia			Qua suối không có cầu	
	Thôn Mang Biều			Qua suối không có cầu	
<b>3</b>	<b>Xã Ba Xa</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Nước Lãng		Tiểu học Ba Xa	Qua suối không có cầu	
	Thôn Nước Chạch			Qua suối không có cầu	
	Thôn Gòi Hre			Qua suối không có cầu	
	Thôn Ba Ha			Qua suối không có cầu	
	Thôn Nước Như			Qua suối không có cầu	
	Thôn Mang Mu			Qua suối không có cầu	
<b>4</b>	<b>Xã Ba Tô</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Mạ		Tiểu học Ba Tô	Qua suối không có cầu	
	Thôn Làng Xi II			Qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Làng Xi I			Qua suối không có cầu	
	Thôn Trà Nô			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Mang Lùng I			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>5</b>	<b>Xã Ba Trang</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Kon Dóc		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Ba Trang	Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Bùi Hui			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Kon Riêng			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Cây Muối			Qua suối không có cầu	
	Thôn Nước Đàng			Qua suối không có cầu	
<b>6</b>	<b>Xã Ba Giang</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Ba Nhà		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Ba Giang	Qua suối không có cầu, qua đèo	
	Thôn Gò Khôn			Qua suối không có cầu	
	Thôn Nước Lô			Qua đèo	
<b>7</b>	<b>Xã Ba Bích</b>			Xã Khu vực III	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Nước Đàng		Tiểu học và THCS Ba Bích	Qua suối không có cầu	
	Thôn Đồng Vào			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>8</b>	<b>Xã Ba Lế</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Tốt		Tiểu học và THCS Ba Lế	Qua sông, suối không có cầu	
<b>9</b>	<b>Xã Ba Vi</b>			Xã Khu vực II	
	Thôn Nước Xuyên		Tiểu học Ba Vi	Qua suối không có cầu	Thôn ĐBKK vùng DTTS và MN theo QĐ số 433/QĐ-UBDT
<b>10</b>	<b>Xã Ba Vinh</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Ba Sơn		Tiểu học và THCS Ba Vinh	Qua sông không có cầu và qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Ba Lang			Qua suối không có cầu	
<b>11</b>	<b>Xã Ba Dinh</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Măng		Tiểu học Ba Dinh	Qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Nước Lang			Qua sông không có cầu	
	Thôn Kách Lang			Qua suối không có cầu	
	Thôn Đồng Dinh			Qua suối không có cầu	
	Thôn Cà La			Qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Gò Ghềm			Qua suối không có cầu	
<b>12</b>	<b>Xã Ba Nam</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Dút		Tiểu học và THCS Ba Nam	Qua đèo, núi cao	
	Thôn Làng Vờ			Qua đèo, núi cao	
<b>II</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	<b>≥ 02</b>			
<b>1</b>	<b>Xã Ba Ngạc</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Krên		Tiểu học và THCS Ba Ngạc	Qua suối không có cầu	
	Thôn Ba Lăng			Qua suối không có cầu	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Nước Lây			Qua suối không có cầu, qua đèo	
<b>2</b>	<b>Xã Ba Tiêu</b>			Xã Khu Vực III	
	Thôn Krày		Tiểu học và THCS Ba Tiêu	Qua suối không có cầu	
	Thôn Nước Tia			Qua suối không có cầu	
	Thôn Mang Biều			Qua suối không có cầu	
<b>3</b>	<b>Xã Ba Xa</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Nước Lãng		Phổ thông dân tộc bán trú THCS Ba Xa	Qua suối không có cầu	
	Thôn Mang Mu			Qua suối không có cầu	
	Thôn Ba Ha			Qua suối không có cầu	
<b>4</b>	<b>Xã Ba Tô</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Mạ		THCS Ba Tô	Qua suối không có cầu, qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Làng Xi I			Qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Mang Lùng I			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Trà Nô			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Làng Xi II		THCS Ba Tô; THCS Ba Dinh-Ba Tô	Qua sông, suối không có cầu	
<b>5</b>	<b>Xã Ba Dinh</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Mãng		THCS Ba Dinh-Ba Tô	Qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Nước Lang			Qua sông không có cầu	
	Thôn Kách Lang			Qua suối không có cầu	
	Thôn Đồng Dinh			Qua suối không có cầu	
	Thôn Kà La			Qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Gò Ghềm			Qua suối không có cầu	
<b>6</b>	<b>Xã Ba Giang</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Ba Nhà		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Ba Giang	Qua suối không có cầu	
	Thôn Gò Khôn			Qua suối không có cầu	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Nước Lô			Qua đèo	
7	<b>Xã Ba Bích</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Đồng Vào		Tiểu học và THCS Ba Bích	Qua vùng sạt lở đất, đá	
8	<b>Xã Ba Nam</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Dút		Tiểu học và THCS Ba Nam	Qua núi cao	
	Thôn Làng Vờ			Qua núi cao	
9	<b>Xã Ba Trang</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Kon Riêng		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Ba Trang	Qua vùng sạt lở đất, đá	
10	<b>Xã Ba Vi</b>			Xã Khu vực II	
	Thôn Nước Xuyên		THCS Ba Vi	Qua suối không có cầu	Thôn ĐBKK vùng DTTS và MN theo QĐ số 433/QĐ-UBDT
<b>III</b>	<b>Trung học phổ thông</b>	<b>≥ 03</b>			
1	<b>Xã Ba Tô</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Mạ		THPT Phạm Kiệt	Qua suối không có cầu; qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Làng Xi I			Qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Làng Xi II			Qua sông, suối không có cầu	
2	<b>Xã Ba Tiêu</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Krày			Qua suối không có cầu	
	Thôn Nước Tia			Qua suối không có cầu	
	Thôn Mang Biều			Qua suối không có cầu	
3	<b>Xã Ba Vi</b>				Xã Khu vực II

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Nước Xuyên			Qua suối không có cầu	Thôn ĐBKK vùng DTTS và MN theo QĐ số 433/QĐ-UBDT
<b>4</b>	<b>Xã Ba Bích</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Nước Đang		THPT Ba Tư	Qua suối không có cầu	
	Thôn Đồng Vào			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Làng Mâm			Qua suối không có cầu	
<b>5</b>	<b>Xã Ba Dinh</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Làng Măng			Qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Nước Lang			Qua sông không có cầu	
	Thôn Kà La			Qua suối không có cầu	
	Thôn Kách Lang			Qua suối không có cầu	
	Thôn Đồng Dinh			Qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Gò Ghềm			Qua suối không có cầu	
<b>E. HUYỆN TRÀ BÔNG</b>					
<b>I</b>	<b>Tiểu học</b>	<b>≥ 01</b>			
<b>1</b>	<b>Xã Trà Sơn</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Kà Tinh		Tiểu học số 1 Trà Sơn	Qua núi cao	
<b>2</b>	<b>Xã Trà Thủy</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn 1		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Thủy	Qua núi cao	
	Thôn 3			Qua vùng sạt lở	
	Thôn 4			Qua núi cao	
	Thôn 6			Học sinh qua vùng ngập nước, nước chảy siết gây nguy hiểm	
<b>3</b>	<b>Xã Trà Giang</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn 1-Cầu treo (tổ 1)			Qua núi cao, qua vùng sạt lở đất	



TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn 2		Tiểu học Trà Giang	Qua suối không có cầu, qua núi cao	
	Thôn 3			Qua núi cao	
<b>4</b>	<b>Xã Trà Tân</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Trà Ót		Tiểu học và THCS Trà Tân	Qua đồi, qua núi cao; vùng sạt lở đất, đá	
<b>5</b>	<b>Xã Trà Bùi</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Niên		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Bùi	Qua suối không có cầu	
	Thôn Tây			Qua núi cao	
	Thôn Tang			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Quế			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Nước Nia			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>6</b>	<b>Xã Trà Lâm</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Trà Hoa		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Lâm	Qua vùng sạt lở đất, đá; qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Trà Lạc			Qua sông, suối không có cầu	
<b>7</b>	<b>Xã Trà Hiệp</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Băng		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Hiệp	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Nguyên			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Cả			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Cưa			Qua vùng sạt lở đất	
<b>8</b>	<b>Xã Trà Phong</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Trà Niu		Tiểu học Trà Phong	Qua sông, suối, không có cầu	
	Thôn Gò Rô			Qua núi cao	
	Thôn Hà Riêng			Qua núi cao	
	Thôn Trà Bung		Tiểu học số 2 Trà Phong	Qua núi cao	
<b>9</b>	<b>Xã Trà Thanh</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Vuông			Qua suối không có cầu	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Môn		Tiểu học Trà Thanh	Qua suối không có cầu	
	Thôn Cát			Qua suối không có cầu	
	Thôn Gõ			Qua suối không có cầu	
<b>10</b>	<b>Xã Trà Xanh</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Trà Ôi		Tiểu học Trà Xanh	Qua núi cao	
	Thôn Trà Kem			Qua núi cao	
	Thôn Trà Veo			Qua núi cao	
<b>11</b>	<b>Xã Sơn Trà</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Hà		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Trà	Qua núi cao	
	Thôn Sơn			Qua núi cao	
	Thôn Đông			Qua núi cao	
	Thôn Trà Xuyên		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Sơn Trà	Qua suối không có cầu	
	Thôn Trà Ong			Qua suối không có cầu	
	Thôn Trà Bao			Qua suối không có cầu	
<b>12</b>	<b>Xã Hương Trà</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Trà Liên		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học số 1 Hương Trà	Qua núi cao	
	Thôn Trà Lương			Qua núi cao	
	Thôn Trà Linh			Qua núi cao	
	Thôn Trà Huỳnh		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học số 2 Hương Trà	Qua vùng sạt lở; qua suối không có cầu	
	Thôn Trà Vân			Qua vùng sạt lở; qua suối không có cầu	
	Thôn Cà Đam			Qua vùng sạt lở; qua suối không có cầu	
<b>13</b>	<b>Xã Trà Tây</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Đam		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Tây	Qua đèo, núi cao	
	Thôn Xanh			Qua suối không có cầu	
	Thôn Vàng (tổ 8)			Qua đèo, núi cao	
	Thôn Bắc Nguyên		Tiểu học Trà Tây	Qua suối không có cầu	
	Thôn Bắc Dương			Qua suối không có cầu	
	Thôn Tây			Qua suối không có cầu	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Tre			Qua suối không có cầu	
<b>II</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	<b>≥ 02</b>			
<b>1</b>	<b>Xã Trà Sơn</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Tây		Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trà Sơn	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Cà Tinh			Qua vùng sạt lở đất	
<b>2</b>	<b>Xã Trà Thủy</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn 1		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Thủy	Qua núi cao	
	Thôn 2			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn 3			Qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn 4			Qua núi cao	
	Thôn 6			Qua suối không có cầu	
<b>3</b>	<b>Xã Trà Tân</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Trà Ót		Tiểu học và THCS Trà Tân	Qua núi cao	
<b>4</b>	<b>Xã Trà Bùi</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Niên		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Bùi	Qua suối không có cầu	
	Thôn Tây			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Tang			Qua núi cao, qua suối không có cầu	
	Thôn Quế				
	Thôn Nước Nia				
<b>5</b>	<b>Xã Trà Lâm</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Trà Hoa		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Lâm	Qua vùng sạt lở đất đá, qua sông, suối không có cầu	
	Thôn Trà Khương			Qua vùng sạt lở đất đá	
	Thôn Trà Lạc			Qua sông, suối không có cầu	
<b>6</b>	<b>Xã Trà Hiệp</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Băng		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Hiệp	Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Nguyên			Qua vùng sạt lở đất	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Cả			Qua vùng sạt lở đất	
	Thôn Cưa			Qua vùng sạt lở đất	
<b>7</b>	<b>Xã Trà Phong</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Trà Niu		THCS Trương Ngọc Khang	Qua núi cao; qua vùng sạt lở	
	Thôn Gò Rô			Qua núi cao; qua vùng sạt lở	
	Thôn Hà Riêng			Qua núi cao; qua vùng sạt lở	
	Thôn Trà Bung		THCS Trà Phong	Qua suối không có cầu; qua núi cao	
<b>8</b>	<b>Xã Trà Thanh</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Vuông		Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trà Thanh	Qua vùng sạt lở	
	Thôn Môn			Qua vùng sạt lở	
	Thôn Cát			Qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở	
	Thôn Gõ			Qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở	
<b>9</b>	<b>Xã Trà Xanh</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Trà Ôi		Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trà Xanh	Qua suối không có cầu	
	Thôn Trà Kem			Qua suối không có cầu, qua núi cao; qua vùng sạt lở	
	Thôn Trà Veo			Qua vùng sạt lở đất, đá	
<b>10</b>	<b>Xã Sơn Trà</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Hà		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Trà; THCS Trà Phong	Qua suối không có cầu, qua núi cao	
	Thôn Sơn		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Trà	Qua suối không có cầu, qua núi cao	
	Thôn Đông			Qua suối không có cầu; qua núi cao	

TT	Danh sách địa bàn	Khoảng cách (Km)	Tên trường	Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn	Ghi chú
	Thôn Trà Xuông		THCS Sơn Trà	Qua suối không có cầu; qua núi cao; qua vùng sạt lở	
	Thôn Trà Ong			Qua suối không có cầu, qua núi cao; qua vùng sạt lở	
	Thôn Trà Bao		THCS Sơn Trà; THCS Trà Phong	Qua suối không có cầu; qua núi cao	
<b>11</b>	<b>Xã Hương Trà</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Trà Liên		Phổ thông dân tộc bán trú THCS số 1 Hương Trà	Qua núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Trà Lương			Qua núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Trà Linh			Qua núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá	
	Thôn Trà Huynh		Phổ thông dân tộc bán trú THCS số 2 Hương Trà	Qua suối không có cầu; qua núi cao	
	Thôn Trà Vân			Qua suối không có cầu; qua núi cao	
	Thôn Cà Đam			Qua suối không có cầu; qua núi cao	
<b>12</b>	<b>Xã Trà Tây</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn Đam		Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Trà Tây	Qua núi cao	
	Thôn Xanh			Qua núi cao; qua suối không có cầu	
	Thôn Bắc Nguyên		Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trà Tây	Qua núi cao; qua suối không có cầu	
	Thôn Bắc Dương			Qua núi cao	
	Thôn Tây			Qua núi cao; qua suối không có cầu	
	Thôn Tre			Qua núi cao	
<b>III</b>	<b>Trung học phổ thông</b>	<b>≥ 03</b>			
<b>1</b>	<b>Xã Trà Thủy</b>			Xã Khu vực III	
	Thôn 3		THPT Trà Bồng	Qua núi cao	